

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2020/DS-ST
Ngày: 28-10-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Ngọc Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hùng Dương;
2. Ông Phạm Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2020/QĐST-DS, ngày 26 tháng 8 năm 2020, và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2020/QĐST-DS ngày 09/10/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Tấn P, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ M, ấp N, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin vắng mặt

- Bị đơn: Ông Lê Khắc Sinh N, sinh năm 1978; địa chỉ: Số S, đường Đ, khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đào Công T, sinh năm 1978; địa chỉ: số E, đường A, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 13/8/2019). Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Kim M, sinh năm 1979; địa chỉ: Số S, đường Đ, khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đào Công T, sinh năm 1978; địa chỉ: số E, đường A, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 13/8/2019). Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 14/5/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Đặng Tấn P trình bày:

Do là chỗ quen biết nên ông Đặng Tấn P có cho ông Lê Khắc Sinh N vay tiền 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 09/7/2017, ông P cho ông Lê Khắc Sinh N vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Lần 2: Ngày 18/9/2017, ông P cho ông Lê Khắc Sinh N vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Trong 02 giấy mượn tiền trên không có thỏa thuận thời hạn vay và tính lãi vay, nhưng giữa ông P và ông N có thỏa thuận bằng lời nói với nhau khi nào cần thì báo trước cho ông N 01 ngày. Nay ông P cần lấy lại tiền, ông P có yêu cầu ông N thanh toán lại cho số tiền trên, nhưng ông N vẫn không thanh toán.

Tại Đơn khởi kiện ông P yêu cầu cá nhân ông Lê Khắc Sinh N thanh toán cho ông. Nhưng nay ông P yêu cầu ông N cùng với vợ của ông N là bà Lê Thị Kim M cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông P, vì ông N vay tiền là để ông N sử dụng vào mục đích sinh hoạt chung cho cả gia đình. Việc vay tiền của ông N thì bà M có biết.

Nay ông P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Khắc Sinh N cùng với bà Lê Thị Kim M có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông P số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Ông không yêu cầu tính lãi.

2. Tại Biên bản hòa giải ngày 13/8/2020 người đại diện hợp pháp của ông Lê Khắc Sinh N là ông Đào Công T trình bày:

Bị đơn không đồng ý với trình bày của nguyên đơn. Bị đơn không vay tiền của nguyên đơn, nên bị đơn không đồng ý trả. Chữ ký trong Giấy vay tiền ngày 09/7/2017 và chữ ký trong Giấy ngày 18/9/2017 không phải chữ ký và chữ viết của ông Lê Khắc Sinh N, nhưng phía bị đơn không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền trên. Nguyên đơn chưa cung cấp chứng cứ cho bị đơn, nên bị đơn chưa biết căn cứ việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn. Đề nghị nguyên đơn có trách nhiệm phải cung cấp tài liệu chứng cứ cho bị đơn.

3. Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Kim M là ông Đào Công T trình bày:

Bà M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà M không biết việc vay mượn của ông Lê Khắc Sinh N và ông N cũng không đem số tiền nào về nhà để dùng chung trong sinh hoạt gia đình.

Ông T có đề nghị Tòa án cho ông N có thêm khoảng thời gian, để gia đình bà M đưa ông N đi giám định pháp y tâm thần. Vào thời gian trước, bà M có đơn đề nghị Tòa án tuyên bố ông N bị mất năng lực hành vi dân sự, nhưng vì trong gia đình gặp sự cố là mẹ của ông N ở bên Mỹ bị tai nạn chết, nên ông N bị hoảng loạn tâm lý và ông N đã bỏ nhà đi. Hiện gia đình không thể nào liên lạc được với ông N để đưa ông N đi giám định tâm thần.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn ông Đặng Tấn P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và có đơn không yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim M có trách nhiệm liên đới với ông Lê Khắc Sinh N thanh toán cho ông P số tiền 70.000.000 đồng.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn, đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đào Công T vắng mặt không có lý do.

** Tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu như sau:*

- Về thủ tục tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Về việc tuân theo pháp luật thì Thẩm phán đã chấp hành đúng Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật tại phiên tòa của Hội đồng xét xử là đúng quy định. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, thì các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ có trong vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Tấn P là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn ông Lê Khắc Sinh N có nơi cư trú tại phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của bị đơn, đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đào Công T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 09/7/2019 và ngày 18/9/2019, giữa ông P và ông N có xác lập “Giấy mượn tiền”, để ông P cho ông N vay số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng, bị đơn không vay của nguyên đơn số tiền 70.000.000 đồng, chữ ký trong giấy ngày 09/7/2017 và chữ ký trong giấy vay tiền ngày 18/9/2017 không phải chữ ký và chữ viết của ông Lê Khắc Sinh N, nhưng bị đơn không yêu cầu giám định chữ ký trong hai giấy vay tiền trên.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào ngày 09/7/2019 và ngày 18/9/2019, giữa ông P và ông N đã xác lập “Giấy mượn tiền”. Nội dung của văn bản này là hợp đồng vay tài sản. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên đương sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thể hiện trong hợp đồng không trái pháp luật. Do đó, các hợp đồng nêu trên đã phát sinh hiệu lực buộc các bên phải tuân thủ thực hiện. Khi đến hạn thanh toán nhưng ông N không thanh toán cho ông P là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, ông P khởi kiện yêu cầu ông N phải thanh toán khoản vay trên là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Tấn P đối với bị đơn ông Lê Khắc Sinh N về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Xét tại Đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Đặng Tấn P chỉ yêu cầu bị đơn ông Lê Khắc Sinh N thanh toán số tiền 70.000.000 đồng. Quá trình tố tụng, ông P có ý kiến yêu cầu bà Lê Thị Kim M (vợ của ông N) cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền này. Sau đó, ông P đã có đơn xin rút lại yêu cầu bà M phải có trách nhiệm thanh toán, nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Tấn P được chấp nhận, nên bị đơn ông Lê Khắc Sinh N phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 48 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Tấn P đối với bị đơn ông Lê Khắc Sinh N về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” như sau:

Buộc bị đơn ông Lê Khắc Sinh N có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn ông Đặng Tấn P số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Khắc Sinh N phải chịu số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS Thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

Văn Thị Ngọc Hương

